

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HÙNG LONG
TỈNH HÒA BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

Tháng 03 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HÙNG LONG
TỈNH HÒA BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

Tháng 03 năm 2019



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Thế Vinh	Giám đốc kỹ thuật

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Hưng
Tổng Giám đốc

Hòa Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15/03/2019, từ trang 06 đến trang 27 gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa tiến hành đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán, phải trả khác tại ngày 31/12/2018. Các thủ tục thay thế không thực hiện được, theo đó chúng tôi không đưa ý kiến về các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán, phải trả khác chưa được đối chiếu xác nhận cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 26 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tính đến thời điểm 31/12/2018, lũy kế của Công ty là 33.367.260.435 đồng, tại ngày này nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 8.185.894.304 đồng làm nghi ngờ đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai gần. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên giả định hoạt động liên tục do Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng hoạt động của Công ty trong tương lai sẽ có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông và nhà đầu tư.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy Chứng nhận ĐKHNKT số:
0798-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy Chứng nhận ĐKHNKT số:
1395-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.074.862.823	19.995.583.520
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	111.516.544	2.245.407.259
Tiền	111		111.516.544	2.245.407.259
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.737.481.141	8.159.750.337
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.777.599.863	9.062.307.685
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		51.097.600	51.097.600
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.724.603.403	2.954.603.403
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.203.510.130	859.521.922
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(7.019.329.855)	(4.767.780.273)
Hàng tồn kho	140		2.602.799.923	3.195.537.848
Hàng tồn kho	141	9	2.602.799.923	3.195.537.848
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.623.065.215	6.394.888.076
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.582.426.780	5.164.853.564
Thuế GTGT được khấu trừ	152		890.686.152	1.080.082.229
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	149.952.283	149.952.283
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.540.639.230	18.282.632.262
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		1.943.545.973	2.185.539.005
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.943.545.973	2.185.539.005
- Nguyên giá	222		14.675.288.611	14.675.288.611
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.731.742.638)	(12.489.749.606)
Tài sản dở dang dài hạn	240		16.097.093.257	16.097.093.257
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	16.097.093.257	16.097.093.257
Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	12	500.000.000	-
TỔNG TÀI SẢN	270		30.615.502.053	38.278.215.782

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		27.183.784.736	28.056.624.830
Nợ ngắn hạn	310		20.260.757.127	18.693.597.221
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	8.676.230.340	10.259.150.840
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.810.000	16.810.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	266.877.124	142.511.624
Phải trả người lao động	314		-	131.426.578
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		185.700.048	221.502.132
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	8.674.689.615	6.121.746.047
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	2.440.000.000	1.800.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		450.000	450.000
Nợ dài hạn	330		6.923.027.609	9.363.027.609
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	6.923.027.609	9.363.027.609
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.431.717.317	10.221.590.952
Vốn chủ sở hữu	410	18	3.431.717.317	10.221.590.952
Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.800.000.000	19.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.800.000.000	19.800.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.366.318.570)	(1.366.318.570)
Quỹ đầu tư phát triển	418		18.365.296.322	18.365.296.322
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(33.367.260.435)	(26.577.386.800)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		(26.577.386.800)	(30.241.643.220)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(6.789.873.635)	3.664.256.420
TỔNG NGUỒN VỐN	440		30.615.502.053	38.278.215.782

Hòa Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	577.981.652	20.486.377.764
Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		577.981.652	20.486.377.764
Giá vốn hàng bán	11	20	592.737.925	15.075.550.560
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(14.756.273)	5.410.827.204
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	390.990	139.804.882
Chi phí tài chính	22	22	1.090.077.939	1.158.684.167
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.090.077.939	1.158.684.167
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	5.500.099.971	1.618.487.837
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.604.543.193)	2.773.460.082
Thu nhập khác	31	24	148.117.440	1.147.080.080
Chi phí khác	32	25	333.447.882	256.283.742
Lợi nhuận khác	40		(185.330.442)	890.796.338
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.789.873.635)	3.664.256.420
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.789.873.635)	3.664.256.420
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(3.683)	1.988

Hòa Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(6.789.873.635)	3.664.256.420
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	241.993.032	234.391.473
Các khoản dự phòng	03	2.251.549.582	24.600.000
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(390.990)	(139.804.882)
Chi phí lãi vay	06	1.090.077.939	1.158.684.167
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.206.644.072)	4.942.127.178
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(139.884.309)	(1.155.157.035)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	592.737.925	(230.853.688)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	962.961.990	7.736.173.401
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.582.426.784	392.785.837
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.125.880.023)	(1.285.602.045)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(334.281.705)	10.399.473.648
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(558.106.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(2.954.603.403)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	390.990	139.804.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	390.990	(3.372.904.521)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	-	311.667.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.800.000.000)	(5.436.248.775)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.800.000.000)	(5.124.581.775)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.133.890.715)	1.901.987.352
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5 2.245.407.259	343.419.907
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5 111.516.544	2.245.407.259

Hòa Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà, công ty tiền thân được thành lập theo Quyết định 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Nhà máy Xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5400213153 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 01 tháng 11 năm 2016.

Tên tiếng Anh: Hoa Binh province Hung Long Trading Investment Joint Stock Company.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 11, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

1.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Trồng rừng và chăm sóc cây rừng;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác;
- Sản xuất bê tông và sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất và chế biến bột đá;
- Sản xuất bê tông tươi;
- Phá dỡ;
- Hoạt động bốc xếp dỡ hàng hóa và dịch vụ liên quan đến bến cảng;
- Sản xuất gạch không nung;
- Sản xuất vữa đóng bao;
- Sản xuất cát nhân tạo;
- Các hoạt động kinh doanh khác...

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với các hợp đồng các công trình xây dựng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo các chi phí trực tiếp thực tế phát sinh cho từng công trình cộng với các chi phí sản xuất chung phân bổ tương ứng với phần công việc dở dang chưa xác định doanh thu trong năm.

4.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm là các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí xây lắp, thiết bị, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.6 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG**

Công ty trích lập các khoản dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà xưởng vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản cố định hữu hình khác	03-10

4.8 GHI NHẬN DOANH THU CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Cụ thể như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự chuyển giao hàng hóa và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, phiếu giá đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận phản ánh trên hóa đơn tài chính đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu tài chính:

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Ghi nhận chi phí:

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và niên độ kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.9 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; lỗ do bán ngoại tệ; chiết khấu thanh toán cho người mua; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

4.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.11 BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	67.758.404	2.207.211.707
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.758.140	38.195.552
	111.516.544	2.245.407.259

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.777.599.863	7.019.329.855	9.062.307.685	4.767.780.273
- Công ty TNHH TM 01 thành viên Đại Hùng Cường	309.316.750	309.316.750	309.316.750	309.316.750
- Công ty CP VLXD CN sạch Sông Đà	382.226.087	382.226.087	382.226.087	382.226.087
- Công ty CPĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	947.961.306	947.961.306	1.247.961.306	-
- Công ty TNHH MTV Cơ khí chế tạo Việt Phát	-	-	336.648.729	-
- Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	352.749.391	352.749.391	1.048.043.390	-
- Chu Anh Tuyết	840.068.000	840.068.000	840.068.000	840.068.000
- Công nợ của XN 12.6 chuyển sang	1.168.536.074	1.168.536.074	1.168.536.074	1.168.536.074
- Phải thu khách hàng khác	3.776.742.255	3.018.472.247	3.729.507.349	2.067.633.362

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Theo Hợp đồng vay vốn số 2007/2017/HĐVV ngày 20/07/2017, Công ty cho Công ty Cổ phần Dầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Điện Biên vay 3,3 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, tự động gia hạn thêm 12 tháng trong năm 2018, lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Đến thời điểm 31/12/2018 số dư nợ gốc vay là 2.724.603.403 đồng.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.203.510.130	-	859.521.922	-
- Phải thu người lao động	-	-	56.686.186	-
- Công ty CP ĐTPT KCN Hải Hà	-	-	550.000.000	-
- Tạm ứng	-	-	29.564.525	-
- Phải thu Ông Nguyễn Văn Hưng	1.900.000.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	303.510.130	-	223.271.211	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.424.616.340	-	2.439.372.613	-
Công cụ, dụng cụ	178.183.583	-	178.183.583	-
Hàng hóa	-	-	577.981.652	-
	2.602.799.923	-	3.195.537.848	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	2.582.426.780	5.164.853.564
Chi phí thiết bị sửa chữa, cải tạo, làm đường	674.213.476	1.348.426.952
Chi phí tháo dỡ, dọn vệ sinh tạo mặt bằng	1.908.213.304	3.816.426.612
Dài hạn	-	-
Cộng	2.582.426.780	5.164.853.564

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dây chuyền sản xuất gạch không nung	16.097.093.257	16.097.093.257
	16.097.093.257	16.097.093.257

Dự án phát sinh từ năm 2016, do gặp vấn đề trong quá trình vận hành chạy thử nên hiện đang tạm dừng chờ phương án giải quyết.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Là khoản đầu tư 3.125 cổ phần vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu Kinh tế Hải Hà với mệnh giá 160.000 đồng/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2018	9.719.958.817	2.926.919.822	1.540.499.722	487.910.250	14.675.288.611
31/12/2018	9.719.958.817	2.926.919.822	1.540.499.722	487.910.250	14.675.288.611
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2018	9.438.701.095	1.461.757.773	1.540.499.722	48.791.016	12.489.749.606
- Khấu hao trong năm	30.406.236	162.795.780	-	48.791.016	241.993.032
31/12/2018	9.469.107.331	1.624.553.553	1.540.499.722	97.582.032	12.731.742.638
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2018	281.257.722	1.465.162.049	-	439.119.234	2.185.539.005
31/12/2018	250.851.486	1.302.366.269	-	390.328.218	1.943.545.973

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.255.358.133 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	8.676.230.340	8.676.230.340	10.259.150.840	10.259.150.840
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	767.589.681	767.589.681	1.677.589.681	1.677.589.681
- Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.986.385.569	1.986.385.569	1.491.850.628	1.491.850.628
- Công ty TNHH CHB Việt Nam	654.082.400	654.082.400	654.082.400	654.082.400
- Công ty Cổ phần Dầu tư và Công nghệ Đức Thành	4.652.400.000	4.652.400.000	4.652.400.000	4.652.400.000
- Công ty TNHH CHB Việt Nam Phát triển Thương mại và XNK Thành Đạt	242.461.790	242.461.790	872.401.790	872.401.790
- Các đối tượng khác	373.310.900	373.310.900	910.826.341	910.826.341

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế thu nhập cá nhân	19.230.819	-	-	19.230.819
- Thuế tài nguyên	33.130.338	-	-	33.130.338
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	248.731.000	124.365.500	124.365.500
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	90.150.467	-	-	90.150.467
	142.511.624	248.731.000	124.365.500	266.877.124
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.952.283	-	-	149.952.283
	149.952.283	-	-	149.952.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	8.674.689.615	6.121.746.047
- Kinh phí công đoàn	58.569.707	58.569.707
- Bảo hiểm xã hội	553.608.261	438.303.725
- Bảo hiểm y tế	1.878.543	626.850
- Bảo hiểm thất nghiệp	17.210	278.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.060.615.894	5.623.967.165
+ Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Đức Thành (*)	8.000.000.000	5.600.000.000
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	60.615.894	23.967.165
	8.674.689.615	6.121.746.047

(*) Đây là khoản tiền ứng trước tiền đền bù xây dựng và lắp đặt dây chuyền gạch không nung không đạt chất lượng theo yêu cầu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	2.440.000.000	2.440.000.000	2.440.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương CN Điện Biên	2.440.000.000	2.440.000.000	2.440.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương CN Điện Biên(*)	6.923.027.609	6.923.027.609	-	2.440.000.000	9.363.027.609	9.363.027.609
	6.923.027.609	6.923.027.609	-	2.440.000.000	9.363.027.609	9.363.027.609
	9.363.027.609	6.923.027.609	2.440.000.000	4.240.000.000	11.163.027.609	11.163.027.609

(*) Hợp đồng hạn mức số 55/2016-HĐTD/NHCT184-CTCPXMSD ngày 17/07/2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Điện Biên, hạn mức là 17.300.000.000 đồng với mục đích đầu tư xây dựng gạch không nung, lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay 72 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐÓI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2017	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	(30.241.643.220)	6.557.334.532
- Lãi trong năm	-	-	-	3.664.256.420	3.664.256.420
31/12/2017	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	(26.577.386.800)	10.221.590.952
01/01/2018	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	(26.577.386.800)	10.221.590.952
- Lỗ trong năm	-	-	-	(6.789.873.635)	(6.789.873.635)
31/12/2018	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	(33.367.260.435)	3.431.717.317

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18.2 GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	19.800.000.000	19.800.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	19.800.000.000	19.800.000.000

18.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2018 CP	01/01/2018 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.980.000	1.980.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.980.000	1.980.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.980.000	1.980.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(136.632)	(136.632)
+ Cổ phiếu phổ thông	(136.632)	(136.632)
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.843.368	1.843.368
+ Cổ phiếu phổ thông	1.843.368	1.843.368
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu	577.981.652	20.486.377.764
- Doanh thu bán hàng hóa	577.981.652	20.486.377.764

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán hàng hóa	592.737.925	15.075.550.560
	<u>592.737.925</u>	<u>15.075.550.560</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	390.990	139.804.882
	<u>390.990</u>	<u>139.804.882</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Chi phí lãi vay	1.090.077.939	1.158.684.167
	1.090.077.939	1.158.684.167

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	5.500.099.971	1.618.487.837
- Chi phí nhân viên quản lý	154.907.118	326.360.160
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-	382.261.958
- Chi phí khấu hao	241.993.032	22.804.677
- Thuế phí, lệ phí	261.155.683	275.637.979
- Chi phí dự phòng	2.251.549.582	24.600.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.481.527	249.479.129
- Chi phí quản lý khác	2.565.013.029	337.343.934

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Tiền thuê dây chuyền gạch không nung	135.340.000	-
- Tiền bồi thường, thưởng	-	34.199.654
- Các khoản khác	12.777.440	1.112.880.426
	148.117.440	1.147.080.080

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Lãi chậm nộp bảo hiểm	137.209.559	-
- Các khoản bị phạt	4.551.778	65.624.021
- Các khoản chi phí khác	191.686.545	190.659.721
	333.447.882	256.283.742

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(6.789.873.635)	3.664.256.420
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	1.843.368	1.843.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(3.683)	1.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***27. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Ban Giám đốc Công ty xác định rằng, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.

28. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tính đến thời điểm 31/12/2018, lỗ lũy kế của Công ty là 33.367.260.435 đồng, tại ngày này nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 8.185.894.304 đồng làm nghỉ ngờ đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai gần.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ sở hữu, tổ chức tín dụng và các bên liên quan sẽ tiếp tục hỗ trợ Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

29. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	-	143.514.895

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng cho các bên liên quan			
Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Công ty mẹ	272.727.273	2.961.178.629
Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Cùng Công ty mẹ	679.750.910	1.852.612.969
Mua hàng từ các bên liên quan			
Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Cùng Công ty mẹ	-	143.491.000
Lãi vay đã trả			
Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Công ty mẹ	-	19.993.273
Phải thu khác			
Ông Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	1.900.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

		31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng			
Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Cùng Công ty mẹ	352.749.391	1.048.043.390
Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Công ty mẹ	947.961.306	1.247.961.306
Phải thu khác			
Ông Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	1.900.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình đã được kiểm toán.

Hòa Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hưng